

Bản án số: 33/2022/HNGĐ - ST

Ngày 15/9/ 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SƠN TÂY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lã Hùng Cường.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thi.

Ông Phùng Khắc Tuấn.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Ngọc T – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2022, về việc Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST- DS ngày 04/8/2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 67 /2022/QĐST-DS ngày 20/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Hồng N, sinh năm: 1977

- Bị đơn: Anh Phạm Công T, sinh năm: 1975

Đều ĐKKHKT: Số 27/121 A phố H, phường X, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Chị N có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Đỗ Thị Hồng N là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Phạm Công T kết hôn tự nguyện, có đăng ký ngày 22/12/2000 tại UBND phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, Hà Nội, sau kết hôn sống tại phố Hữu Nghị, phường Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội. Thời gian đầu vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhưng đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn nặng nề, nguyên nhân do anh T có uống rượu, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Do việc nợ nần của anh T nên chị cũng đã phải bán đất để trả nợ nhưng anh T không thay đổi. Từ đó vợ chồng càng có mâu thuẫn nặng nề và không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm chia sẻ với nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng tẻ nhạt, nhiều lần vợ chồng ngồi nói chuyện để cố gắng hòa giải, và gia đình chị, gia đình bên nhà anh T cũng góp ý khuyên bảo nhưng không được. Từ tháng 6 năm 2016 chúng tôi thống nhất sống ly thân, không ở cùng nhà nữa, và có thỏa thuận là sau ba năm mà không về ở cùng nhau, thì vợ chồng chấm dứt giải quyết ly hôn cho nhau. Sau đó T có đi làm ăn nhưng không nói cho chị biết là làm ăn ở đâu, địa chỉ của anh T cũng dấu, chỉ gọi điện thăm gia đình. Đến nay vợ chồng đã ly thân được hơn sáu năm nhưng cũng không cải thiện hàn gắn được tình cảm. Chị cũng đã nhiều lần trao đổi qua điện thoại với anh T về việc vợ chồng không ở được với nhau thì ly hôn, anh T có nói là chị làm đơn ly hôn đi, anh T đồng ý ly hôn nhưng công việc bận nên không về được. Nay chị Nhung xác định vợ chồng không thể hòa giải đoàn tụ được nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Phạm Hồng Diệu L, sinh ngày: 11/7/2002 và Phạm Tuấn M, sinh ngày: 12/11/2007. Hiện tại hai cháu đang ở cùng chị Nhung được chăm sóc và đi học đầy đủ. Khi ly hôn chị N xin được nuôi hai cháu, chị N đang làm ở Bưu Điện Xuân Khanh, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng một tháng, công việc ổn định lại gần nhà nên có điều kiện chăm sóc hai cháu Phạm Hồng Diệu L và Phạm Tuấn M. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, hai con cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Tài sản chung, công sức: Không yêu cầu tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh T theo địa chỉ chị N cung cấp và anh T đăng ký hộ khẩu thường trú. Tòa án cũng tiến hành giao các văn bản tố tụng cho chính quyền địa phương để giao lại cho anh T, nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Sau khi tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh T thì cũng không xác định được anh T đi đâu, làm gì, hiện tại địa chỉ ở đâu. Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tại nơi cư trú và tại UBND phường Xuân Khanh, tại Tòa án theo quy định. Kết quả xác minh tại địa phương thì xác định. Vợ chồng chị N, anh T có mâu thuẫn, hiện tại đã sống ly thân từ lâu chị N hiện tại đang ở cùng hai con, chị N trình bày về

mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Việc chị N xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ theo các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã công bố các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đúng như lời khai và biên bản xác minh.

1. Về việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự:

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Công T đã được Tòa án giao, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 20/8/2022 và tại phiên tòa hôm nay ngày 15/9/2022 anh Phạm Công T đã tiếp tục vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin hôn của chị Đỗ Thị Hồng N, chị Đỗ Thị Hồng N được ly hôn anh Phạm Công T.

Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Hồng Diệu L, sinh ngày 11/7/2002 và Phạm Tuấn M, sinh ngày 12/11/2007. Cháu Phạm Hồng Diệu L đã hơn 18 tuổi không bị nhược điểm khiếm khuyết về thể chất và tinh thần, không đặt ra việc chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cho chị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Tuấn M, đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Phạm Công T được quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở, Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị N có đơn yêu cầu.

Tài sản chung, công sức chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có. Anh T vắng mặt nên dành quyền yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng anh N, anh T bằng một vụ án khác khi anh T có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

[1] Về pháp luật tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn Tây, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã mở phiên tòa vào ngày 20/8/2022 anh Phạm Công T vắng mặt

không có lý do. Tòa án hoãn phiên tòa, ấn định ngày xét xử là ngày 15/9/2022 và thực hiện giao, niêm yết quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa cho anh T. Tại phiên tòa anh Phạm Công T tiếp tục vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Anh Phạm Công T có quyền và nghĩa vụ sau khi xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]*Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Thị Hồng N và anh Phạm Công T kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh T đã diễn ra từ lâu, nguyên nhân chị N cho rằng anh T chơi bời nợ nần, ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống gia đình và của vợ chồng. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay mỗi người một nơi.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3]*Về con chung*: Chị N và anh T có hai con chung là Phạm Hồng Diệu L, sinh ngày: 11/7/2002 và Phạm Tuấn M, sinh ngày: 12/11/2007, hiện tại cháu đang ở cùng mẹ, được chăm sóc, sinh hoạt đi học đầy đủ. Hội đồng xét xử xác định từ khi chị N, anh T ly thân, chị N đều trực tiếp nuôi hai cháu. Đối với cháu Phạm Hồng Diệu L đã hơn 18 tuổi, không bị khiếm khuyết về thể chất và tinh thần, nên không đặt ra việc chăm sóc nuôi cháu. Đối với cháu Phạm Tuấn M giao cho cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo được sự phát triển tốt nhất về tâm sinh lý, thể chất, sinh hoạt của cháu, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình, và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M là được ở với chị N. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]*Về tài sản chung, công sức*: Chị Đỗ Thị Hồng N xác nhận là không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]*Về nợ chung*: Chị Đỗ Thị Hồng N xác nhận là không có.

[6]: Tại phiên tòa anh Phạm Công T không có mặt, do vậy Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện cho anh Phạm Công T bằng một vụ kiện dân sự khác về phân tài sản chung, công sức, nợ chung khi có đủ căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7]*Về án phí*: Chị Đỗ Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 6, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Hồng N, chị Đỗ Thị Hồng N được ly hôn anh Phạm Công T.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Hồng Diệu L, sinh ngày 11/7/2002 và Phạm Tuấn M, sinh ngày 12/11/2007. Cháu Phạm Hồng Diệu L đã hơn 18 tuổi không bị nhược điểm khiếm khuyết về thể chất và tinh thần, không đặt ra việc chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cho chị Đỗ Thị Hồng N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Tuấn M, sinh ngày 12/11/2007, đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Phạm Công T được quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Công T cho đến khi chị N có đơn yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công sức: Chị Đỗ Thị Hồng N xác định là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung của vợ chồng: Không có

5. Giành quyền khởi kiện cho anh Phạm Công T bằng một vụ kiện dân sự khác về phần tài sản chung, công sức, nợ chung khi có đủ căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về án phí: Chị Đỗ Thị Hồng N phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Đỗ Thị Hồng N đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0056368 ngày 16/5/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Hồng N, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Công T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TX Sơn Tây;
- Chi cục THADS TX Sơn Tây;
- UBND Nơi ĐKKH, ĐKKH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường